TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/05/2020
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Xuân Thủy;

2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 383/2019/TLST - HN ngày 03 tháng 12 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST - HN ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 19/2020/TBTĐTGXX ngày 24/4/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Lô 30H, khóm C, phường B, thành phố C, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng S sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ 33, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 24, đường Hùng Vương, phường P, thành phố T, thành phố Bình Dương (Công ty dịch vụ Tây S, nhà hàng Kichi, lẩu Băng chuyền).

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Bà (Nguyễn Thị Mỹ D) và ông Nguyễn Hoàng S tìm hiểu yêu thương nhau năm 1990, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung từ năm 1996 cho đến nay. Nay tình cảm đã hết, bà có yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Vợ chồng sanh được 01 con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/3/1990 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hoàng S trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D tìm hiểu yêu thương nhau năm 1990, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung từ năm 1996 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà D kiện ly hôn thì ông đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng sanh được 01 con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/3/1990 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D và ông S chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên Tòa án không tiến hành hòa giải về tình cảm.

Tại phiên toà,

Hội đồng xét xử công bố:

Lời khai của bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S.

Công văn trả lời của Ủy ban nhân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ngày 14/4/2020.

Biên bản xác minh ngày 16/4/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng tố tụng:

** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ ánkể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*

Việc tuân theo pháp luật của trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 48 và Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của đương sự thể hiện: Bà D và ông S có lời khai cả hai tìm hiểu yêu thương nhau và tổ chức lễ cưới năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến và không sống chung từ năm 1996 cho đến nay. Tình cảm đã hết bà D có yêu cầu ly hôn ông S.

Về con chung: Có 01 con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/3/1990 (Đã trưởng thành).

Về tài sản chung - nợ chung: Bà D và ông S khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà D và ông S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương nơi cư trú của bà D và ông S thể hiện bà D và ông S chưa đăng ký kết hôn.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông S từ năm 1990 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà D và ông S là vợ chồng.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến giải quyết.

Từ căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hoàng S. Đồng thời, ông S cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc (hiện nay đi làm thuê ở thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Bình Dương và có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử). Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1].Về vắng mặt của đương sự:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt (Ông S gởi đơn xét xử vắng mặt theo dấu Bưu Điện đề ngày 09/5/2020). Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông S.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà D và ông S đi đến hôn nhân vào năm 1990, hôn nhân không có đăng ký kết hôn và năm 1996 cho đến nay đã không còn sống chung với nhau.

Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc và cán bộ hộ tịch ông Huỳnh Lê Hồng S phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc cung cấp: Qua rà soát sổ lưu trữ thì bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc và Ủy ban nhân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Xét thấy, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Mặt khác, theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì quan hệ hôn nhân của bà D và ông S không được công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S là vợ chồng.

[3] Về con chung:

Bà D và ông S khai thống nhất nhau là vợ chồng sống chung sanh 01 con chung tên: Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/3/1990 (Đã trưởng thành), nên không đề cập đến giải quyết.

[4] Về tài sản chung - nợ chung:

Bà D và ông S khai thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập đến giải quyết.

[5] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà D đã nộp.

Ông Nguyễn Hoàng S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 3 nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân*]:

Không công nhận bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S là vợ chồng.

2. *[Về án phí sơ thẩm]*:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0003440 ngày 03 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Ông Nguyễn Hoàng S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. *[Về quyền kháng cáo]*:

Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Hoàng S vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga